

KHO BẠC NHÀ NƯỚC  
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KIÊN GIANG

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 5 NĂM 2024**

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/5/2024

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
	<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>	<b>2.092.560</b>	<b>86.198</b>	<b>4,12%</b>	<b>10.750.636</b>	<b>1.498.806</b>	<b>13,94%</b>
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ</b>	<b>56.601</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>	<b>724.364</b>	<b>139.322</b>	<b>19,23%</b>
<b>I</b>	<b>Tòa án nhân dân tối cao</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>60.000</b>	<b>423</b>	<b>0,71%</b>
1	7939089 - XD mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang	-	-	-	60.000	423	0,71%
<b>II</b>	<b>Viện kiểm sát Nhân dân tối cao</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>25.400</b>	<b>19.052</b>	<b>82,83%</b>
1	7564523 - Trụ sở Viện kiểm sát ND tỉnh Kiên Giang.	-	-	-	23.000	19.052	82,83%
2	7918521 - XD trụ sở Viện kiểm sát nhân dân TP.Hà Tiên	-	-	-	2.400	-	0,00%
<b>III</b>	<b>Bộ Công An</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.000</b>	<b>7.200</b>	<b>24,00%</b>
1	081100001 - Cơ sở tạm giữ thuộc Công an tỉnh Kiên Giang (03 nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Rạch giá, công an huyện Hòn Đất và công an huyện Tân Hiệp)	-	-	-	14.000	7.104	50,74%
2	081100007 - Trại tạm giam công an tỉnh Kiên Giang	-	-	-	16.000	95	0,60%
<b>IV</b>	<b>Bộ Quốc phòng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>138.675</b>	<b>36.143</b>	<b>26,06%</b>
1	081100021 - Xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc BCHQS tỉnh Kiên Giang/Quân khu 9	-	-	-	60.000	20.019	33,37%
2	120211101 - Nhà nghiệp vụ đối ngoại HQ Vùng 5\BQP	-	-	-	29.010	9.601	33,09%
3	700468602 - Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 2)	-	-	-	2.000	-	0,00%
4	700468603 - Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 3)	-	-	-	17.665	5.967	33,78%
5	081100029 - Xây dựng 02 Đồn Biên phòng Tây Yên (722) và Vĩnh Điều (965) Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh Kiên Giang	-	-	-	30.000	556	1,85%
<b>V</b>	<b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>70.000</b>	<b>70.000</b>	<b>100,00%</b>
1	7923678 - Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du	-	-	-	70.000	70.000	100,00%
<b>VI</b>	<b>Bộ Tư pháp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.000</b>	<b>765</b>	<b>3,83%</b>
1	8050907 - Dự án đầu tư Trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	-	-	-	20.000	765	3,83%
<b>VII</b>	<b>Bộ Tài chính</b>	<b>49.498</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	7558675 - Chi cục thuế huyện An Minh	2.270	-	0,00%	-	-	-
2	7866895 - Trụ sở Chi cục Hải quan Phú Quốc	47.228	-	0,00%	-	-	-
<b>VIII</b>	<b>Bộ Giao thông Vận Tải</b>	<b>7.103</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>380.289</b>	<b>5.740</b>	<b>1,51%</b>

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
1	7945696 - Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025	7.103	-		145.029	5.188	3,58%
2	7829262 - Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất - Gò Quao - Vĩnh Thuận	-	-		24.780	552	2,23%
3	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Gò Quao	-	-		137.630	-	0,00%
4	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Vĩnh Thuận	-	-		72.850	-	0,00%
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ</b>	<b>2.035.959</b>	<b>86.198</b>	<b>4,23%</b>	<b>10.026.272</b>	<b>1.359.483</b>	<b>13,56%</b>
	<b>NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (HỖND TỈNH GIAO)</b>	<b>1.535.959</b>	<b>71.869</b>	<b>4,68%</b>	<b>10.026.272</b>	<b>1.359.483</b>	<b>13,56%</b>
<b>I</b>	<b>Dự án tỉnh quản lý</b>	<b>483.052</b>	<b>27.856</b>	<b>5,77%</b>	<b>5.413.872</b>	<b>538.154</b>	<b>9,94%</b>
<b>I.1</b>	<b>BCH Bộ đội biên phòng tỉnh</b>	<b>78</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>107.098</b>	<b>9.876</b>	<b>9,22%</b>
1	081100013 - Dự án Đồn Biên phòng Xẻo Nhàu (714) xã Tân Thạnh, huyện An Minh	-	-		30.000	-	0,00%
2	081100015 - Trạm kiểm soát Biên phòng Hòn Nghệ	-	-		2.998	48	1,59%
3	220211129 - Hệ thống kiểm soát an ninh công nghệ cao cho 03 trạm kiểm soát biên phòng	-	-		29.000	9.733	33,56%
4	081100011 - Trạm kiểm soát Biên phòng Xẻo Nhàu	-	-		4.300	-	0,00%
5	081100030 - Trạm kiểm soát Biên phòng Đồi Mồi	-	-		11.900	-	0,00%
6	220190015 - Đồn Biên phòng CKC Hòn Chông	-	-		17.600	-	0,00%
7	081100023 - Dự án Đầu tư xây dựng Đồn Biên phòng Tiên Hải (738)	-	-		700	96	13,66%
8	081100031 - Dự án cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị, doanh cụ công trình BCH BĐ Biên phòng tỉnh Kiên Giang	-	-		10.600	-	0,00%
9	TKS Biên phòng Rạch Giá	39	-	0,00%	-	-	
10	TKS biên phòng Kim Quy	39	-	0,00%	-	-	
<b>I.2</b>	<b>BCH Quân sự tỉnh</b>	<b>15.355</b>	<b>151</b>	<b>0,98%</b>	<b>101.692</b>	<b>24.359</b>	<b>23,95%</b>
1	081100026 - Cải tạo, sửa chữa, nâng nân, mua sắm thiết bị nhà ăn Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang	-	-		1.692	683	40,35%
2	081100016 - Dự án Xây dựng một số hạng mục trong khu vực phòng thủ tỉnh Kiên Giang	-	-		100.000	23.676	23,68%
3	Xây dựng trạm sửa chữa tổng hợp do Bộ CHQS tỉnh quản lý	4	-	0,00%	-	-	
4	Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương	353	-	0,00%	-	-	
5	Đầu tư xây dựng mới và sửa chữa doanh trại Đội Quy tập mộ liệt sĩ tại Campuchia (Đội K92)	14.998	151	1,01%	-	-	
<b>I.3</b>	<b>Công an tỉnh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>17.269</b>	<b>5.714</b>	<b>33,09%</b>

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
1	081100018 - Trạm công an kiểm soát giao thông đường thủy Tắc Cậu thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	-	-		5.000	2.902	58,04%
2	081100022 - Trụ sở làm việc công an các xã Tân An, Hòa An, Thạnh Đông A, Ngọc Thuận, Ngọc Thành, Mỹ Phước thuộc CA tỉnh Kiên Giang	-	-		9.000	2.812	31,24%
3	220240101 - Các DA chưa phân khai KH năm 2024 CA Tỉnh Kiên Giang				3.269	-	
<b>I.4</b>	<b>Sở giáo dục và đào tạo</b>	<b>153.528</b>	<b>1.937</b>	<b>1,26%</b>	<b>71.677</b>	<b>18.297</b>	<b>25,53%</b>
1	8020891 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Gò Quao	-	-		2.201	1.678	76,25%
2	8014718 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở An Biên	-	-		4.800	2.385	49,69%
3	8038108 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên	436	-	0,00%	1.200	762	63,46%
4	8037915 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Giồng Riềng	1.128	813	72,03%	1.473	98	6,64%
5	8020890 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	1.156	1.124	97,21%	1.103	1.055	95,65%
6	7920310 - Trường Trung học phổ thông Dương Đông	-	-		1.350	-	0,00%
7	7920317 - Trường Trung học phổ thông An Thới, PQ	-	-		21.500	4.955	23,05%
8	7920315 - Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành, huyện Châu Thành	-	-		5.400	-	0,00%
9	7920309 - Trường Trung học cơ sở & Trung học Phổ thông Nguyễn Văn Xiện, An Minh	-	-		1.000	-	0,00%
10	7920314 - Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Kiên Giang	-	-		450	-	0,00%
11	7920307 - Trường Trung học Phổ thông Cây Dương	-	-		1.000	-	0,00%
12	7920319 - Trường Trung học Phổ thông Phú Quốc	-	-		23.000	6.821	29,66%
13	7976847 - Trường Tiểu học Phạm Văn Hón, huyện U Minh Thượng	-	-		1.500	-	0,00%
14	7981038 - Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Phan Thị Ràng	-	-		2.500	43	1,72%
15	7981037 - Xây dựng mới 06 phòng học và cải tạo, sửa chữa 12 phòng học Trường Tiểu học Thị trấn Giồng Riềng I; Xây mới 04 phòng học Trường Trung học cơ sở Mai Thị Hồng Hạnh	-	-		2.000	-	0,00%
16	7920313 - Trường Tiểu học Phú Lợi	-	-		500	500	100,00%
17	7920306 - Trường Trung học Phổ thông An Biên	-	-		700	-	0,00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
18	Dự án mua sắm trang thiết bị dạy học lớp 3,4,7,10 và thiết bị khoa học tự nhiên (Trung học cơ sở); phòng học bộ môn Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ (trung học phổ thông) chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	150.000	-	0,00%	-	-	0,00%
19	7920308 - Trường Trung học cơ sở & Trung học Phổ thông Vĩnh Phong	226	-	0,00%	-	-	
20	7920318 - Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Thắng, Gò Quao	581	-	0,00%	-	-	
<b>I.5</b>	<b>Sở giao thông vận tải</b>	-	-	-	<b>577.803</b>	<b>89.490</b>	<b>15,49%</b>
1	7883640 - DA ĐTXD CT đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	-	-		300.000	39.665	13,22%
2	7768579 - ĐTXD đường 3/2 nối dài (đường ven biển tỉnh KG đoạn qua TPRG và huyện Châu thành)	-	-		270.000	49.825	18,45%
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau	-	-		1.062	-	0,00%
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 963 đoạn từ Quốc lộ 80-Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng	-	-		393	-	0,00%
5	Đầu tư xây dựng Cầu Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	-	-		425	-	0,00%
6	Đầu tư xây dựng đường ven biển phía Tây đảo Phú Quốc	-	-		434	-	0,00%
7	Đầu tư xây dựng đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố rạch giá	-	-		231	-	0,00%
8	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT 970 nối dài ( từ cầu tám ngàn đến đường ven biển Hòn Đất-Kiên Lương)	-	-		232	-	0,00%
9	Đầu tư xây dựng công trình Quốc Lộ 63 (thứ 7) kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau	-	-		315	-	0,00%
10	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 80 (đoạn từ nút giao N1-Nguyễn Phúc Chu và Phương Thành-Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)	-	-		248	-	0,00%
11	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ven biển Rạch giá-Hòn Đất đến tuyến tránh thành phố Rạch giá (ranh giới Rạch giá-Hòn Đất)	-	-		158	-	0,00%
12	Đầu tư xây dựng công trình Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh Thành Phố Rạch giá	-	-		183	-	0,00%
13	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Ba Hòn trên tuyến đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang	-	-		370	-	0,00%
14	Đầu tư xây dựng công trình đường Võ văn Kiệt nối dài (Quốc lộ 61-đường 3/2)	-	-		165	-	0,00%
15	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường nối U Minh Thượng-An Minh-Vĩnh Thuận (QL 63-ĐT 965-hành lang ven biển phía nam-ĐT 968)	-	-		339	-	0,00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
16	Đầu tư xây dựng Công trình đường ven biển kết nối với cảng An Thới	-	-		500	-	0,00%
17	Đầu tư xây dựng công trình cầu trên đường ven biển kết nối từ An Biên-thành phố Rạch giá	-	-		1.510	-	0,00%
18	Đầu tư xây dựng công trình đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Rạch giá	-	-		496	-	0,00%
19	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ĐT 965 (Công sự) sông Cái lớn (U Minh Thượng)	-	-		296	-	0,00%
20	Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT 965C - Kết nối QL63	-	-		245	-	0,00%
21	Đầu tư xây dựng công trình đường từ QL80-đường ven biển (Sóc Xoài), huyện Hòn Đất	-	-		201	-	0,00%
<b>I.6</b>	<b>Sở văn hóa thể thao</b>	<b>5.278</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>	<b>122.384</b>	<b>70.294</b>	<b>57,44%</b>
1	220230006 - Hỗ trợ, tôn tạo di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của đồng bào dân tộc Khmer	26	-	0,00%	-	-	
2	220230012 - Dự án Chùa Láng Cát: hạng mục Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	118	-	0,00%	-	-	
3	Dự án chùa Láng Cát: Hạng mục Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	788	-	0,00%	-	-	
4	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của đồng bào dân tộc Khmer	174	-	0,00%	-	-	
5	7787162 - Tượng Đài bác Hồ (Tại Phú Quốc)	-	-	0,00%	108.884	70.294	64,56%
6	7745211 - Cải tạo, SC Trung tâm VH TT tỉnh GD 2016-2020	3.900	-	0,00%	3.500	-	0,00%
7	Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao tỉnh Kiên Giang (Hàng rào bảo vệ khuôn viên Vòng viên văn hóa An Hòa)	271	-	0,00%	-	-	0,00%
8	8009358 - Đầu tư hệ thống nội thất và thiết bị trưng bày công trình Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hóa tỉnh Kiên Giang	-	-		10.000	-	0,00%
<b>I.7</b>	<b>Sở Tài nguyên Môi trường</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>367.885</b>	<b>3.215</b>	<b>0,87%</b>
1	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	-	-		367.885	3.215	0,87%
<b>I.8</b>	<b>BQL chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT</b>	<b>23.402</b>	<b>1.066</b>	<b>4,56%</b>	<b>479.378</b>	<b>89.825</b>	<b>18,74%</b>
1	Tiểu dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản huyện An Minh, An Biên-thuộc dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL)-09 cổng	-	-		4.000	717	17,92%
2	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện An Biên-An Minh-U Minh Thượng-Vĩnh Thuận	-	-		173.150	3.084	1,78%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Châu, thành phố Phú Quốc	-	-		64.000	4.714	7,36%
4	Đầu tư xây dựng 18 công trình trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	-	-		162.390	78.390	
5	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP	-	-		5.750	-	0,00%
6	Dự án đầu tư xây dựng 03 Công Đám Chích, Phú Mỹ Xẻo nhâu	-	-		7.470	1.720	23,03%
7	Dự án chống sạt lở kết hợp bãi thải nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du	-	-		2.618	1.201	45,86%
8	8072700 - ĐTXD hồ chứa nước Cửa Cạn (phía thượng lưu cầu Suối Cái) phục vụ sản xuất và sinh hoạt, thành phố Phú Quốc (CBĐT)	500	500	100,00%		-	0,00%
9	Đầu tư xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du (Đôi ứng TW-GPMB)	5.000	566	11,32%		-	0,00%
10	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đất đai rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau	-	-		50.000	-	0,00%
11	Dự án chống sạt lở bờ biển và phục hồi tuyến đê, kè biển từ Tiểu Dừa đến khu vực Kim Quy huyện An Minh	17.902	-	0,00%		-	0,00%
12	Dự án bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	-	-		10.000	-	0,00%
<b>I.9</b>	<b>Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn</b>	<b>19.792</b>	<b>951</b>	<b>4,80%</b>	<b>114.582</b>	<b>9.270</b>	<b>8,09%</b>
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	467	36		-	-	0,00%
2	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn		-		62.492	951	1,52%
3	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang		-		600	446	74,27%
4	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc		-		400	156	38,99%
5	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng		-		1.400	1.251	89,39%
6	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quản, huyện Gò Quao		-		700	635	90,77%
7	8022753 - Đầu tư mới Trạm cấp nước xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, công suất: 50m <sup>3</sup> /h		-		8.500	3.467	40,79%
8	Trạm cấp nước ấp Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận		-		20.000	876	4,38%
9	8064513 - Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Thái		-		10.490	727	6,93%
10	8064512 - Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Vĩnh Bình Bắc		-		10.000	761	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
11	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	340	-				
12	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc	162	-				
13	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quản, huyện Gò Quao	162	-				
14	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành	455	-				
15	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	57	-				
16	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	93	-				
17	8070119 - Dự án nước sạch nông thôn gắn với chỉ tiêu XD nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và VSNT đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	3.755	901				
18	8070118 - Trạm cấp nước Thới An, xã Thới Quản	14.302	13				
<b>I.10</b>	<b>BQL ĐTXD chuyên ngành Giao thông vận tải</b>	-	-	-	<b>805.000</b>	<b>129.303</b>	<b>16,06%</b>
1	Xây mới cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965, huyện U Minh Thượng	-	-		31.000	4.423	14,27%
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 80 đoạn Km188+700 (nút giao TT Ba Hòn, Kiên Lương) đến Km 204+300 (nút giao QL.N1, thành phố Hà Tiên)	-	-		100.000	167	0,17%
3	Đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch giá, phường Vĩnh Thanh, TPRG, tỉnh Kiên Giang	-	-		220.000	4.564	2,07%
4	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông-Cửa cạn-Gành Dầu và xây mới nhánh nối với đường trục Nam-Bắc	-	-		140.000	89.867	64,19%
5	Đường ven sông cái lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò quao)	-	-		29.000	4.572	15,77%
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường viên biển từ Rạch giá đi Hòn Đất	-	-		240.000	17.853	7,44%
7	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu căn cứ Tỉnh Ủy ở U Minh Thượng	-	-		45.000	7.858	17,46%
<b>I.11</b>	<b>BQL các dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp</b>	<b>156.311</b>	<b>23.696</b>	<b>15,16%</b>	<b>773.497</b>	<b>51.253</b>	<b>6,63%</b>
1	7995738 - Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, quản lý, lưu trữ phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	-	-		31.500	363	1,15%
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Kiên Giang (giai đoạn 2)	-	-		1.000	484	48,37%
3	Xây dự trụ sở Hội chữ thập đỏ tỉnh	-	-		3.370	-	0,00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
4	7991592 - Cải tạo, sửa chữa dãy nhà làm việc, phòng khánh tiết, nhà ăn, nhà để xe, hàng rào, rãnh thoát nước (CBĐT)	-	-		7.900	44	0,56%
5	7988510 - Cải tạo, sửa chữa VP Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Kiên Giang (CBĐT)	-	-		2.870	13	0,44%
6	Xây dựng trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Hà Tiên, Giồng Riềng, Tân Hiệp	-	-		1.000	472	47,16%
7	Dự án sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Kiên Giang	-	-		415	-	0,00%
8	Cải tạo, xây mới, mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	-	-		14.550	3.584	24,63%
9	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang	-	-			-	0,00%
10	Cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp nghề vùng Tứ giác Long Xuyên	-	-		7.700	171	2,22%
11	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Hà Tiên	-	-			-	0,00%
12	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa	-	-		2.000	1.506	75,30%
13	Trường phổ thông dân tộc nội trú THPT Kiên Giang	-	-			-	0,00%
14	Trường THCS và THPT Minh Thuận	-	-		8.979	1.382	15,39%
15	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa Hưng Bắc	-	-		10.500	1.198	11,41%
16	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	-	-		20.400	2.156	10,57%
17	Trường THCS Đông Hồ	-	-		10.000	-	0,00%
18	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu	-	-		7.000	-	0,00%
19	Trường THCS và THPT Bình Sơn, huyện Hòn Đất	-	-		12.500	2.368	18,94%
20	Trường THPT Giồng Riềng	-	-		6.400	5.486	85,72%
21	Trường THPT Kiên Lương	-	-		10.000	1.666	16,66%
22	Trường tiểu học thị trấn Kiên Lương 1	-	-		4.800	1.027	21,39%
23	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang: hạng mục cải tạo, sửa chữa và mua sắm TB	-	-		3.000	83	2,78%
24	Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	-	-		141.443	-	0,00%
25	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	-	-		158.180	20.045	
26	7660260 - Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	-	-		178.500	2.294	
27	Dự án Bệnh viện sản nhi	-	-		55.000	1.642	
28	7130200 - Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang	67	-	0,00%		-	
29	8009360 - Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thanh huyện Giang Thành	-	-		5.000	4.831	
30	7576218 - ĐTXD Cơ sở hạ tầng khu di tích lịch sử thắng cảnh núi Mo So và hồ Hoa Mai	461	-	0,00%		-	
31	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ huyện Gò Quao	-	-		7.380	41	



STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
32	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Hà Tiên	-	-		10.000	-	
33	Trường phổ thông dân tộc nội trú THPT Kiên Giang	-	-		7.000	-	
34	Trường THPT Thạnh Đông	-	-		8.000	143	
35	Trường THCS và THPT Nguyễn Hùng Hiệp, huyện Hòn Đất	-	-		8.000	165	
36	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang	-	-		16.460	-	
37	Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành	-	-		700	-	
38	Cải tạo, nâng cấp Đài phát thanh truyền hình và khắc phục sự cố công trình tại Đài phát thanh và truyền hình Kiên Giang	-	-		11.500	92	
39	Đầu tư xây dựng công trình tại Đài phát thanh và truyền hình tại Hòn Me	-	-		450	-	
40	Dự án Hội trường và phòng họp trực tuyến của văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	50.218	-	0,00%	-	-	
41	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm y tế huyện Vĩnh Thuận	69.428	170	0,24%	-	-	
42	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 13 trung tâm y tế tuyến huyện và Bệnh viện ung bướu tỉnh Kiên Giang	36.136	23.526	65,10%	-	-	
<b>I.12</b>	<b>Văn phòng tỉnh ủy</b>	<b>1.602</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>	<b>48.444</b>	<b>1.682</b>	<b>3,47%</b>
1	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện Gò Quao	-	-		1.499	651	43,45%
2	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện An Minh	-	-		1.497	745	49,77%
3	Xây dựng mới nhà công vụ cho khối Đảng và Đoàn thể huyện Kiên Hải	-	-		5.448	-	0,00%
4	8010519 - Đầu tư xây dựng mới nhà làm việc các Ban của Tỉnh ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh (CBĐT)	-	-		40.000	286	0,71%
5	XD mới khu lưu trữ lịch sử Đảng tỉnh ủy	10	-	0,00%	-	-	0,00%
6	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc huyện ủy Châu Thành	1.581	-	0,00%	-	-	0,00%
7	Đầu tư hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của cơ quan Đảng	10	-	0,00%	-	-	0,00%
<b>I.13</b>	<b>Ban dân tộc</b>	<b>164</b>	<b>45</b>	<b>27,43%</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	8071613 - Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin	45	45	100%	-	-	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Dân tộc	119	-	0%	-	-	
<b>I.14</b>	<b>UBND huyện An Minh</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>17.000</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>
1	Đường KT1	-	-		17.000	-	0,00%
<b>I.15</b>	<b>UBND Thành phố Rạch Giá</b>	<b>17.137</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	7969114 - Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiến (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá)	17.137	-	0,00%	-	-	
<b>I.16</b>	<b>Trường Cao đẳng nghề</b>	<b>-</b>	<b>Trang 9</b>	<b>-</b>	<b>5.300</b>	<b>-</b>	<b>0,00%</b>

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
1	7931834 - Xây dựng, sửa chữa trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	-	-		5.300	-	0,00%
<b>I.17</b>	<b>Trường cao đẳng Kiên Giang</b>	-	-	-	<b>3.540</b>	-	<b>0,00%</b>
1	7926187 - Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang: hạng mục xây dựng mới phòng học, giảng đường, phòng làm việc và mua sắm TB				3.540	-	0,00%
<b>1,18</b>	<b>Ngân hàng Chính sách xã hội</b>	-	-	-	<b>45.000</b>	<b>35.000</b>	<b>77,78%</b>
1	220240012 - Cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	-	-		25.000	25.000	100,00%
2	220240013 - Cho vay đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	-	-		20.000	10.000	50,00%
<b>I.19</b>	<b>Sở lao động thương binh và xã hội</b>	<b>74.066</b>	-	<b>0,00%</b>	<b>2.348</b>	<b>576</b>	<b>24,53%</b>
1	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang	-	-		1.400	440	31,44%
2	Sửa chữa, cải tạo ký túc xá và mua sắm thiết bị Trường trung cấp Việt-Hàn Phú Quốc	-	-		20	-	0,00%
3	Xây dựng mới dãy 03 phòng học và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường trung cấp nghề Tân Hiệp	-	-		200	15	7,65%
4	Sửa chữa, cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ thành phố Hà Tiên	-	-		650	56	8,55%
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, xây mới dãy 06 phòng học và mua sắm thiết bị trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Kiên Giang	-	-		78	65	83,10%
6	Dự án nâng cấp, cải tạo Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Kiên Giang	73.920	-	0,00%	-	-	
7	Nâng cấp, cải tạo mộ Nghĩa trang liệt sỹ huyện Hòn Đất	146	-	0,00%	-	-	
<b>I.20</b>	<b>Dự án chưa phân khai</b>				<b>1.753.975</b>	-	<b>0,00%</b>
<b>I.21</b>	<b>Ban thực hiện dự án phát triển cơ sở hạ tầng Du lịch (GMS)</b>	<b>183</b>	-	<b>0,00%</b>			
1	Dự án "phát triển hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện cho khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng" gồm: Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử và tiểu dự án Nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích quốc gia)	183	-	0,00%	-	-	
<b>I.22</b>	<b>Sở Thông tin Truyền thông</b>	<b>47</b>	-	<b>0,00%</b>	-	-	-
1	Dự án đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	47	-	0,00%	-	-	
<b>I.23</b>	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>1.569</b>	-	<b>0,00%</b>	-	-	-
1	Cải tạo, mở rộng Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	1.569	-	0,00%	-	-	
<b>I.24</b>	<b>Sở Y Tế</b>	<b>14.542</b>	<b>11</b>	<b>0,00%</b>	-	-	-
1	7420502 - Bệnh viện đa khoa Kiên Giang ( 1020 giường)	14.542	11	0,00%	-	-	
<b>II</b>	<b>Huyện, thành phố quản lý</b>	<b>1.052.907</b>	<b>44.012</b>	<b>4,2%</b>	<b>4.612.400</b>	<b>821.329</b>	<b>17,81%</b>
1	Huyện Vĩnh Thuận	27.952	2105	8,93%	275.492	59.766	21,69%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
2	Huyện Hòn Đất	894	59	6,60%	265.410	41.444	15,62%
3	Huyện Gò Quao	17.058	174	24285,00%	263.164	45.409	17,26%
4	Huyện An Minh	24.285	4.399	18,11%	237.066	65.648	27,69%
5	Huyện Kiên Hải	4.377	-	0,00%	96.226	17.901	18,60%
6	Huyện An Biên	39.553	8.036	20,32%	225.501	38.397	17,03%
7	Huyện Châu Thành	202.547	20.504	10,12%	158.065	32.854	20,79%
8	Huyện Kiên Lương	144.315	407	0,28%	354.180	27.118	7,66%
9	Huyện Tân Hiệp	14.721	918	6,24%	98.562	35.012	35,52%
10	Thành phố Phú Quốc	109.516	-		313.642	73.348	23,39%
11	Huyện Giồng Riềng	4.932	2.840	57,58%	254.585	43.197	16,97%
12	Thành phố Hà Tiên	1.023	-		788.162	128.171	16,26%
13	Huyện U Minh Thượng	23.681	2.131	9,00%	103.834	24.123	23,23%
14	Thành phố Rạch Giá	433.834	1.839	0,42%	1.039.241	161.669	15,56%
15	Huyện Giang Thành	4.219	210	4,98%	139.270	27.272	19,58%
	<b>NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW</b>	<b>500.000</b>	<b>14.329</b>	<b>2,87%</b>	-	-	-
<b>I</b>	<b>Dự án do tỉnh quản lý</b>	<b>500.000</b>	<b>14.329</b>	<b>2,87%</b>	-	-	-
<b>I.1</b>	<b>Ban quản lý Nông nghiệp và PTNT</b>	<b>500.000</b>	<b>14.329</b>	<b>2,87%</b>	-	-	-
1	8072698 - Đầu tư xử lý sạt lở bờ biển huyện Hòn Đất (CBĐT)	250.000	7.041	2,82%	-	-	
2	8072699 - Phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển đoạn Thới Hai - Xẻo Bần thuộc An Biên - An Minh (CBĐT)	250.000	7.288	2,92%	-	-	

